

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TỊNH BIÊN
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 29-4-2021

V/v Tranh chấp xin ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỊNH BIÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Mỹ.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Minh Chuyên;

Bà Huỳnh Thị Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thành - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên tham gia phiên tòa: Bà Neàng Sa Men – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 4 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 363/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về việc "Xin ly hôn" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 33/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 4 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Kim P, sinh năm 1974, nơi cư trú: T8, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh A, có mặt;

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh Đ, sinh năm 1975, nơi cư trú: T12, ấp P, xã A, huyện T, tỉnh A, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện ghi ngày 14 tháng 09 năm 2020 và lời trình bày của nguyên đơn bà Nguyễn Kim P trong quá trình giải quyết vụ án như sau:*

- Về hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Minh Đ được gia đình tổ chức lễ cưới năm 2001, đến ngày 12/08/2002 có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyển số 01 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh A. Sau ngày cưới vợ chồng chung sống tại ấp P, xã A, huyện T, tỉnh A.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, gay gắt nhất là từ năm 2019, nguyên nhân do ông Nguyễn Minh Đ thường xuyên uống rượu rồi kiếm chuyện gây mất hạnh phúc gia đình, từ đó vợ chồng sống ly thân cho

đến nay. Thấy tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn được, bà Nguyễn Kim P yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Minh Đ.

Về con chung: Có hai con chung là Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 05/08/2002 (đã trưởng thành); Nguyễn Thị Thu L, sinh ngày 18/05/2005. Hiện con chung Nguyễn Thị Thu L đang chung sống với bà, khi ly hôn bà P yêu cầu được nuôi dưỡng cháu Lan, không yêu cầu ông Đ cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

** Tại phiên tòa hôm nay và trong quá trình giải quyết vụ án ông Nguyễn Minh Đ đều vắng mặt:* Không có ý kiến trình bày.

** Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tịnh Biên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:*

- Về việc tuân theo pháp luật:

Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân giữa Bà Nguyễn Kim P và ông Nguyễn Minh Đ có đăng ký kết hôn, nên được xem là hôn nhân hợp pháp. Xét thấy cả hai đã xảy ra mâu thuẫn từ năm 2019 cả hai đã sống ly thân. Từ đó, thấy rằng mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, nên giải quyết cho ly hôn theo nguyện vọng của bà P là phù hợp.

Về con chung: Có hai con chung là Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 05/08/2002 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Thu L, sinh ngày 18/05/2005. Cháu Lan có nguyện vọng được sống với mẹ, do đó cần giao cho bà P nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng và quy định pháp luật.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết;

Về nợ chung: Không có.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

** Tài liệu, chứng cứ Tòa án thu thập:* Biên bản xác minh nơi cư trú của

ông Nguyễn Minh Đ ngày 04/3/2021 tại Ban áp P; Biên bản hỏi ý kiến của cháu Nguyễn Thị Thu L ngày 06/01/2021; Bản chính giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 12/8/2002 của bà Nguyễn Kim P và Nguyễn Minh Đ; Trích lục cải chính hộ tịch số 262/TLCCHT ngày 27/10/2020 của Nguyễn Kim P; bản sao giấy khai sinh số 117/2005 ngày 23/7/2020 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh A (cháu Nguyễn Thị Thu L).

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án tiến hành thông báo mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng chỉ có bà Nguyễn Kim P có mặt, bị đơn Ông Nguyễn Minh Đ đều vắng mặt. Do đó, không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Nguyễn Kim P vẫn giữ yêu cầu;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bị đơn Ông Nguyễn Minh Đ đã được Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên triệu tập họp lệ có mặt tại phiên tòa lần thứ hai, nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

- Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn ông Nguyễn Minh Đ có đăng ký hộ khẩu và thường trú tại ấp P, xã A, huyện T, tỉnh A. Tòa án nhân dân huyện Tịnh Biên thụ lý, giải quyết là đúng với quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về nội dung vụ án:

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Kim P và ông Nguyễn Minh Đ chung sống với nhau có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyển số 01, ngày 12/8/2002 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh A theo đúng quy định tại Điều 9, Điều 11 Luật hôn nhân gia đình năm 2000, nên đây là hôn nhân hợp pháp theo pháp luật. Xét về tình cảm giữa bà P và ông Đ thì thấy rằng: Cả hai đã xảy ra mâu thuẫn nên đã sống ly thân từ năm 2019, trong suốt thời gian dài vẫn không thể tạo điều kiện để hàn gắn được dẫn đến năm 2020 bà P xin ly hôn. Như vậy, thấy rằng cuộc sống hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài và mục đích hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử thấy rằng bà Nguyễn Kim P xin ly hôn là có căn cứ.

Về con chung: Có hai con chung là Nguyễn Thị Thu T, sinh ngày 05/08/2002 (đã trưởng thành) và Nguyễn Thị Thu L, sinh ngày 18/05/2005. Hiện nay cháu T đã đủ tuổi trưởng thành nên không xem xét. Riêng cháu L từ khi vợ chồng không còn sống chung thì con chung do bà P là người nuôi dưỡng, do đó đề không làm thay đổi điều kiện sinh sống, học tập của cháu Kiệt, cần

tiếp tục giao con chung cho bà P nuôi dưỡng là phù hợp nguyện vọng của cháu Lan và quy định pháp luật theo quy định khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà P không yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Do đó, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa đề nghị là có cơ sở.

[3] Về án phí: Bà Nguyễn Kim P khởi kiện xin ly hôn nên phải chịu án phí dân sự hôn nhân sơ thẩm theo mức không giá ngạch; ông Nguyễn Minh Đ không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Điều 51, khoản 1 Điều 56 và Điều 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình 2014;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của nguyên đơn bà Nguyễn Kim P đối với ông Nguyễn Minh Đ.

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn Kim P và ông Nguyễn Minh Đ.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao con chung Nguyễn Thị Thu L, sinh ngày 18 tháng 05 năm 2005 cho bà Nguyễn Kim P trực tiếp nuôi dưỡng.

2.2. Ông Nguyễn Minh Đ không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Bà Nguyễn Kim P cùng các thành viên gia đình không được cản trở ông Nguyễn Minh Đ quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Vì lợi ích của con chưa thành niên, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức có thẩm quyền yêu cầu thay đổi người nuôi con thì Tòa án có thể quyết định thay đổi người nuôi con.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có.

5. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Nguyễn Kim P phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền án phí, được trừ vào số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số: TU/2019/0005822 ngày 07 tháng 10 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tịnh Biên, bà Nguyễn Kim P đã nộp xong.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Giấy chứng nhận kết hôn số 32, quyển số 01, ngày 12/8/2002 của Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh A không còn giá trị pháp lý.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành được thực hiện theo qui định tại Điều 30 luật thi hành dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h.Tịnh Biên;
- Chi cục THADS h.TB;
- TAND tỉnh An Giang;
- UBND xã, thị trấn (nơi ĐKKH);
- Lưu HS & VP.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Thị Ngọc Mỹ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thanh Hoàng Nguyễn Thị Minh Chuyên Võ Thị Ngọc Mỹ